

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế (sửa đổi) quản lý và sử dụng Nhân hiệu chứng nhận
“CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER”**

CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CAO SU VIỆT NAM

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản liên quan;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và các văn bản liên quan;

Căn cứ Quyết định số 19/2002/QĐ-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nội vụ về việc cho phép thành lập Hiệp hội Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) của Hiệp hội Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 77168/QĐ-SHTT ngày 22/12/2014 của Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận Hiệp hội Cao su Việt Nam là chủ sở hữu Nhân hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM/ VIET NAM RUBBER”;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Ban Chấp hành tại cuộc họp ngày 04/10/2016 về việc triển khai Đề án Xây dựng và phát triển thương hiệu Cao su Việt Nam trong quý 4/2016;

Theo ý kiến đóng góp của Hội đồng Thẩm định Nhân hiệu chứng nhận Cao su Việt Nam tại cuộc họp ngày 04/10/2016;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế (sửa đổi) quản lý và sử dụng Nhân hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM/ VIET NAM RUBBER”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Hội đồng Thẩm định Nhân hiệu chứng nhận Cao su Việt Nam, Ban Tư vấn Phát triển ngành, Văn phòng Hiệp hội Cao su Việt Nam, Quỹ Bảo hiểm xuất khẩu cao su, các đơn vị trực thuộc Hiệp hội Cao su Việt Nam, các Hội viên, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Trần Ngọc Thuận*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Trần Ngọc Thuận

QUY CHẾ (sửa đổi)

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 325/QĐ-HHCS ngày 18 tháng 11 năm 2016
của Hiệp hội Cao su Việt Nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER” (sau đây gọi tắt là “Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM”) quy định việc quản lý và sử dụng Nhãn hiệu này trên các sản phẩm cao su Việt Nam được Hội viên, doanh nghiệp, tổ chức cam kết đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng và các quy định của Hiệp hội Cao su Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín của Hội viên, doanh nghiệp, tổ chức và phát triển thương hiệu ngành Cao su Việt Nam.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế quản lý và sử dụng (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM áp dụng đối với Hiệp hội Cao su Việt Nam (Hiệp hội), Hội đồng Thẩm định Nhãn hiệu chứng nhận Cao su Việt Nam (Hội đồng Thẩm định), các đơn vị hỗ trợ, Hội viên, doanh nghiệp, tổ chức hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM là nhãn hiệu chứng nhận do Hiệp hội Cao su Việt Nam tạo lập, quản lý và phát triển, được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật Việt Nam và tại một số nước ngoài theo pháp luật của nước sở tại.

2. Sản phẩm cao su là những sản phẩm được sơ chế, chế biến từ nguyên liệu mủ cây cao su, cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp và gỗ cao su.

3. Yêu cầu của Quy chế này về chất lượng và uy tín là thực hiện nghiêm túc các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương; tiêu chuẩn cơ sở được công bố theo pháp luật về chất lượng, nhãn hàng hoá; có quy trình sản xuất tiên bộ; quản lý hiệu quả; kinh doanh uy tín; thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng; gắn với trách nhiệm xã hội và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận các tiêu chí đã đạt.

4. Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ: Áp dụng theo Thông báo số 5377/TB-SHTT ngày 16/7/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc thống nhất áp dụng bản dịch tiếng Việt Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10.

Điều 4. Chủ sở hữu Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

Hiệp hội Cao su Việt Nam là chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER” theo Quyết định số 77168/QĐ-SHTT ngày 22/12/2014 của Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 237640 cho Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM /VIET NAM RUBBER” của Hiệp hội Cao su Việt Nam. Hiệp hội có nhiệm vụ như sau:

1. Đăng ký xác lập quyền sở hữu đối với Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER” tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và nước ngoài.
2. Quản lý, kiểm soát việc sử dụng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo Quy chế này.
3. Phát triển Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM để góp phần xây dựng Thương hiệu ngành “CAO SU VIỆT NAM”.

Điều 5. Biểu trưng của Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

Biểu trưng của Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER” do Hiệp hội Cao su Việt Nam đăng ký quyền bảo hộ theo pháp luật trong nước và nước ngoài, đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận cho Hiệp hội Cao su Việt Nam là chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM/ VIET NAM RUBBER” và biểu trưng kèm theo tại Quyết định số 77168/QĐ-SHTT ngày 22/12/2014.

Điều 6. Điều kiện sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

Các Hội viên, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và kinh doanh (sau đây gọi tắt là Đơn vị) các sản phẩm cao su được sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Là những Đơn vị hợp pháp tại Việt Nam; có Hồ sơ đăng ký sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo Quy trình thẩm định quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER” của Hiệp hội Cao su Việt Nam.
2. Sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm cao su (*như nguyên liệu cao su thiên nhiên, sản phẩm cao su, gỗ hoặc sản phẩm gỗ cao su*) được sản xuất ở Việt Nam và đã có nhãn hiệu riêng của Đơn vị được bảo hộ tại Việt Nam.
3. Chấp hành nghiêm túc các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương; tiêu chuẩn cơ sở tương ứng được công bố theo pháp luật về chất lượng, nhãn hàng hoá; quy trình sản xuất tiên bộ; quản lý hiệu quả; kinh doanh uy tín, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng; có trách nhiệm xã hội và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận những tiêu chí đã đạt.
4. Không vi phạm pháp luật Việt Nam, luật lệ về kinh doanh quốc tế và các luật khác điều chỉnh hoạt động doanh nghiệp; thực hiện nghiêm túc các hợp đồng kinh doanh cao su, xử lý thỏa đáng các khiếu nại, khiếu kiện của đối tác (nếu có); hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước.
5. Được Hiệp hội Cao su Việt Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM/ VIET NAM RUBBER” và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng ký kết với Hiệp hội về quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

Chương II

CÁC ĐẶC TÍNH CỦA SẢN PHẨM MANG NHÃN HIỆU CAO SU VIỆT NAM

Điều 7. Sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

Sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM là những sản phẩm được chế biến từ mủ cây cao su, cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, gỗ cây cao su.

- Danh mục những sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM thuộc 11 nhóm trong Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ được áp dụng theo Thông báo số 5377/TB-SHTT ngày 16/7/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc thống nhất áp dụng bản dịch tiếng Việt, Bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10, được phân thành ba nhóm sản phẩm sau (đính kèm Bảng danh mục chi tiết ở Phụ lục):

(1) Cao su thiên nhiên

- Cao su thô hoặc bán thành phẩm (dạng khối);
- Cao su thô hoặc bán thành phẩm (dạng tờ);
- Latex cao su (cao su ly tâm dạng lỏng).

(2) Sản phẩm công nghiệp cao su

- Lớp ô tô (cho ô tô con, xe tải, xe buýt);
- Lớp bánh xe (lốp mô tô);
- Lớp bánh xe (xe nông nghiệp, xe công nghiệp, xe công trường);
- Lớp xe đạp;
- Lớp đặc cho xe;
- Săm lốp ô tô (cho ô tô con, xe tải, xe buýt);
- Săm cho lốp xe bơm hơi (săm lốp mô tô, xe máy);
- Săm cho xe đạp;
- Găng tay (cao su) cách điện;
- Găng tay (cao su) cách nhiệt;
- Găng tay (cao su) dùng cho mục đích gia dụng;
- Găng tay (cao su) dùng cho mục đích y tế;
- Bao cao su;
- Ống thông đường tiêu;
- Bảng tải (cao su);
- Trục lăn máy cán (bằng cao su);
- Vòng đệm bằng cao su;
- Đệm lót (cao su);
- Ống mềm (bằng cao su);
- Khuôn bằng cao su rắn;
- Sợi cao su dùng trong ngành dệt (chỉ thun, không bọc vải, sợi);
- Sợi cao su dùng trong ngành dệt (chỉ thun có bọc vải, sợi);
- Sợi bằng cao su không dùng trong ngành dệt (vòng thun, sợi thun, dây thun);
- Đệm, nệm (cao su); Gối (cao su);
- Đế cho đồ đi chân (đế giày cao su); Giày cao su (ủng cao su);
- Thảm (cao su);
- Bóng cho trò chơi (bóng thể thao); Quả bong bóng.

(3) Sản phẩm gỗ cao su

- Gõ xẻ (gỗ cao su);
- Đồ đạc trong nhà (bằng gỗ cao su);
- Đồ đạc dùng trong văn phòng (bằng gỗ cao su).

Điều 8. Chất lượng của sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

Đặc tính chất lượng của các sản phẩm cao su được nêu tại Quy chế này phải tuân thủ các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế đang được áp dụng trong ngành Cao su Việt Nam. Những hàng hoá cao su chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc chưa thể áp dụng tiêu chuẩn quốc tế tại Việt Nam, sẽ áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc tiêu chuẩn cơ sở của Đơn vị về chất lượng được công bố theo quy định của pháp luật và được Hiệp hội Cao su Việt Nam chấp nhận.

Điều 9. Phương pháp lấy mẫu và đánh giá chất lượng của sản phẩm

1. Phương pháp lấy mẫu: Mẫu sản phẩm để đánh giá chất lượng phải được lấy theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hoặc địa phương đang áp dụng cho sản phẩm cao su tại Việt Nam. Trường hợp cách lấy mẫu không có quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hoặc địa phương, cách lấy mẫu sẽ do Đơn vị xác định và Hiệp hội Cao su Việt Nam chấp thuận.

2. Phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm: Các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM phải được đánh giá theo phương pháp thử quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hoặc địa phương đang áp dụng cho sản phẩm cao su tại Việt Nam. Trường hợp phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm không có quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hoặc địa phương, cách lấy mẫu sẽ do doanh nghiệp xác định và Hiệp hội Cao su Việt Nam chấp thuận.

3. Phòng thử nghiệm đánh giá chất lượng: Việc đánh giá các chỉ tiêu về chất lượng của sản phẩm cao su phải được thực hiện tại các phòng thử nghiệm đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp chứng chỉ công nhận và cấp mã số VILAS và được Hiệp hội Cao su Việt Nam giới thiệu.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HIỆP HỘI CAO SU VIỆT NAM TRONG QUẢN LÝ NHÃN HIỆU CAO SU VIỆT NAM

Điều 10. Quản lý Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

Hiệp hội Cao su Việt Nam là tổ chức quản lý Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM, thực hiện chức năng thẩm định, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc sử dụng Nhãn hiệu và chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo đúng các quy định tại Quy chế này.

Điều 11. Quy trình thẩm định quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

Hiệp hội Cao su Việt Nam xây dựng Quy trình thẩm định quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM và công bố trên các phương tiện thông tin của Hiệp hội. Quy trình gồm các nội dung chính như sau:

1. Hiệp hội Cao su Việt Nam hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký của Đơn vị có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đăng ký và hồ sơ đầy đủ của Đơn vị, Hiệp hội Cao su Việt Nam đề nghị Hội đồng Thẩm định Nhãn hiệu chứng nhận CAO SU VIỆT NAM (sau đây gọi tắt là Hội đồng Thẩm định) tiến hành thẩm định, kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất và kinh doanh của Đơn vị, đánh giá chất lượng sản phẩm thông qua kết quả phân tích mẫu sản phẩm của các phòng thử nghiệm VILAS được chỉ định.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi có kết quả thẩm định, đánh giá và ý kiến đề nghị của Hội đồng Thẩm định, Hiệp hội Cao su Việt Nam ra quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Hiệp hội phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

4. Đối với Đơn vị có nhu cầu gia hạn quyền sử dụng Nhãn hiệu, Hiệp hội Cao su Việt Nam đề nghị Hội đồng Thẩm định tổ chức kiểm tra, đánh giá để có cơ sở ra quyết định về việc gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu. Trong trường hợp từ chối gia hạn, Hiệp hội cần nêu rõ lý do bằng văn bản.

Điều 12. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VN

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM do Hiệp hội Cao su Việt Nam cấp phải có các nội dung sau:

- a) Tên của các sản phẩm được sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM
- b) Tên của nhà máy sản xuất và Đơn vị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu;
- c) Mẫu Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER;
- d) Thời hạn sử dụng Nhãn hiệu;
- e) Họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của Hiệp hội.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM được trao cho Đơn vị 01 bản chính, có giá trị trong vòng 03 năm kể từ ngày ký. Mỗi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu sẽ được cập nhật theo số thứ tự liên tục vào Sổ quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu của Hiệp hội Cao su Việt Nam. Trong trường hợp Đơn vị yêu cầu cấp thêm các bản sao của Giấy chứng nhận này, Hiệp hội Cao su Việt Nam sẽ cấp (tối đa không quá 10 bản) nhưng trên bản sao phải có chữ “BẢN SAO” để phân biệt.

3. Khi chấp nhận gia hạn quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM, Hiệp hội Cao su Việt Nam cấp lại Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu có ghi cụ thể thời gian được gia hạn.

Điều 13. Quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

1. Hiệp hội Cao su Việt Nam thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (nhưng không quá 3 lần/năm) việc sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM của Đơn vị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM nhằm duy trì và đảm bảo những quy định đối với sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo Quy chế này.

2. Hiệp hội Cao su Việt Nam có quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM và xử lý vi phạm theo Quy chế này trong các trường hợp sau:

a) Đơn vị không còn đáp ứng điều kiện sử dụng Nhãn hiệu quy định tại Điều 6.

b) Đơn vị vi phạm theo Điều 19.

c) Các hành vi vi phạm khác được quy định trong Quy chế này.

3. Hiệp hội Cao su Việt Nam có nhiệm vụ đề nghị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các Đơn vị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

Điều 14. Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

1. Định kỳ, Hiệp hội Cao su Việt Nam sẽ cùng Đơn vị lấy mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM, việc kiểm tra này không được vượt quá 03 lần trong một năm.

2. Trong trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ về chất lượng của sản phẩm mang Nhãn hiệu, Hiệp hội Cao su Việt Nam có quyền đột xuất yêu cầu lấy mẫu tại Đơn vị để kiểm tra, đánh giá chất lượng của sản phẩm dưới sự giám sát trực tiếp của đại diện của Hiệp hội Cao su Việt Nam.

Điều 15. Kinh phí thực hiện

1. Thu từ nguồn đóng góp của các Đơn vị sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM, được cụ thể hóa theo sự thỏa thuận thông qua hợp đồng giữa Hiệp hội Cao su Việt Nam với Đơn vị.

2. Các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

3. Các nguồn thu trên được sử dụng cho các chi phí có liên quan đến việc thẩm định và duy trì quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM của các Đơn vị. Kế hoạch thu chi hàng năm sẽ do Hội đồng Thẩm định đề nghị, Chủ tịch Hiệp hội Cao su Việt Nam phê duyệt bằng văn bản, phù hợp với Điều lệ của Hiệp hội và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình quản lý, sử dụng, phát triển và phát hiện các hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM được khen thưởng theo quy định của Hiệp hội Cao su Việt Nam.

Chương IV

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CAO SU VIỆT NAM

Điều 17. Quyền lợi khi tham gia sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

1. Tất cả các Đơn vị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM hoàn toàn bình đẳng về quyền lợi cũng như nghĩa vụ liên quan đến Nhãn hiệu.

2. Đơn vị có quyền gắn Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM trên bao bì cho loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng do Đơn vị sản xuất và kinh doanh; trên các phương tiện kinh doanh, thư từ giao dịch, phương tiện quảng cáo. Được sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM kèm với Nhãn hiệu riêng của đơn vị.

3. Đơn vị có quyền khai thác, sử dụng và hưởng các lợi ích kinh tế phát sinh từ Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

4. Được Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng hợp pháp Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

5. Được Hiệp hội Cao su Việt Nam công bố trên các trang thông tin điện tử của Hiệp hội, website quảng bá thương hiệu Cao su Việt Nam, tại Hội nghị Doanh nhân Cao su Việt Nam hàng năm và giới thiệu trên một số ấn phẩm, sự kiện của Hiệp hội.

6. Được Hiệp hội ưu tiên trong các chương trình xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, cung cấp thông tin về thị trường cao su và chính sách liên quan để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu của Đơn vị.

7. Trong trường hợp Đơn vị thay đổi tên, địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc nhà máy sản xuất, Đơn vị thông báo cho Hiệp hội bằng văn bản để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM với địa chỉ mới.

Điều 18. Trách nhiệm khi tham gia sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM

1. Phải sử dụng đúng và chính xác các dấu hiệu, tên đầy đủ của Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM và hình ảnh của biểu trưng.

2. Chỉ sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM cho các loại sản phẩm đã được Hiệp hội Cao su Việt Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng trong thời gian quy định trên Giấy chứng nhận.

3. Không được sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM làm Nhãn hiệu chính cho sản phẩm của Đơn vị.

4. Không được sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM gắn trên các sản phẩm khác của Đơn vị ngoài danh sách được Hiệp hội chứng nhận hoặc trên các sản phẩm mà Đơn vị mua từ doanh nghiệp, tổ chức khác.

5. Không được tự ý chuyển giao quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trường hợp tự cho phép sử dụng giữa các đơn vị thành viên trực thuộc hoặc đơn vị chủ quản.

6. Phải có thông tin chỉ dẫn về quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM dựa trên Giấy chứng nhận được cấp bởi Hiệp hội Cao su Việt Nam bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin về Số giấy chứng nhận, ngày cấp Giấy chứng nhận và thời hạn của Giấy chứng nhận, thông tin liên hệ với Hiệp hội Cao su Việt Nam trong trường hợp có phản ánh, khiếu nại về chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

7. Bị nghiêm cấm: Các hành vi sử dụng, hình thức sử dụng có hoặc không có Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM nhưng làm sai lệch nhận thức của người tiêu dùng hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM; các hình thức đưa thông tin sai về Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM hoặc lạm dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

8. Tạo điều kiện cho Hiệp hội Cao su Việt Nam hoặc đơn vị do Hiệp hội ủy quyền định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra điều kiện sử dụng, đánh giá quy trình sản xuất, lấy mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo quy định của Hiệp hội.

9. Tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các quy định liên quan đến việc sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

10. Chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng cho các sản phẩm mang Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM của Đơn vị.

11. Thực hiện chi trả cho việc sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo đúng hợp đồng ký kết giữa Hiệp hội và Đơn vị, bao gồm: Chi phí thẩm định, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM và chi phí thường niên duy trì Nhãn hiệu. Các chi phí này được cụ thể theo sự thoả thuận thông qua hợp đồng giữa Hiệp hội Cao su Việt Nam với Đơn vị sử dụng Nhãn hiệu.

12. Đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM tối thiểu 6 (sáu) tháng trước khi Giấy chứng nhận hết hạn, nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu. Hồ sơ đăng ký gia hạn được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy trình thẩm định Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM và gửi về Hiệp hội Cao su Việt Nam.

13. Sau khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu hết hạn, Đơn vị ngừng ngay lập tức việc gắn mới Nhãn hiệu lên hàng hóa, bao bì hàng hóa được sản xuất sau ngày hết hạn.

14. Trong trường hợp sau khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu hết hạn, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Đơn vị phải gỡ bỏ Nhãn hiệu khỏi bao bì, biển hiệu, bảng quảng cáo, giấy tờ giao dịch, phương tiện kinh doanh hoặc các hình thức thể hiện khác nếu Đơn vị không nộp đơn gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc Đơn vị có nộp đơn gia hạn nhưng bị từ chối theo quy định của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Các hành vi vi phạm

Các hành vi vi phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo Quy chế này bao gồm:

1. Hành vi sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM của các Đơn vị được cấp phép sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo quy chế này nhưng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo Điều 18 của Quy chế này;

2. Hành vi sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM của các Đơn vị cho các loại sản phẩm chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM;

3. Hành vi sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM của các Đơn vị quá thời hạn quy định của Giấy chứng nhận quyền sử dụng trừ trường hợp sau:

- Đơn vị được tiếp tục phân phối, kinh doanh các sản phẩm đã được sản xuất và gắn Nhãn hiệu trước ngày Giấy chứng nhận hết thời hạn nhưng chưa được tiêu thụ. Để được áp dụng điều này, Đơn vị phải đảm bảo hàng hóa có thể truy nguyên ngày sản xuất theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Hành vi sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM của các Đơn vị khác khi chưa được sự cho phép của Hiệp hội Cao su Việt Nam,

5. Dấu hiệu gắn trên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch, biển hiệu, phương tiện quảng cáo và các phương tiện kinh doanh khác tương tự tới mức gây nhầm lẫn với Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

6. Tự ý chuyển giao quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trường hợp tự cho phép sử dụng giữa các đơn vị thành viên trực thuộc hoặc đơn vị chủ quản.

7. Làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM hoặc làm giả Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM.

8. Những hành vi khác vi phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Bất kỳ Đơn vị, cá nhân nào phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM đều có quyền yêu cầu Hiệp hội Cao su Việt Nam xử lý.

2. Các Đơn vị, cá nhân khi vi phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM, tùy theo mức độ, có thể bị Hiệp hội Cao su VN xử lý như sau:

a) Nhắc nhở, khiển trách bằng văn bản.

b) Lập biên bản cảnh cáo.

c) Tạm đình chỉ (không quá 4 tháng liên tiếp)

Trong thời hạn đình chỉ này, Hiệp hội yêu cầu bằng văn bản các Đơn vị phải nghiêm túc khắc phục những sai phạm, thiếu sót. Nếu Đơn vị khắc phục được toàn bộ các sai phạm, thiếu sót dẫn đến việc tạm đình chỉ trong thời hạn bị tạm đình chỉ thì Hiệp hội Cao su Việt Nam ra quyết định thu hồi quyết định tạm đình chỉ đã ban hành. Trong thời hạn bị tạm đình chỉ, Đơn vị không được gắn Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM lên các sản phẩm của Đơn vị.

d) Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM đối với Đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này.

Trong trường hợp Đơn vị không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ các sai phạm, thiếu sót trong thời hạn tạm đình chỉ thì Hiệp hội Cao su Việt Nam ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM. Đơn vị bị thu

hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM sẽ không được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận trong vòng 03 năm liên tiếp tính từ ngày ra quyết định thu hồi. Đơn vị bị thu hồi Giấy chứng nhận phải ngay lập tức ngừng sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM dưới bất kỳ hình thức nào, gỡ bỏ Nhãn hiệu đã được gắn lên hàng hóa, bao bì hàng hóa (kể cả các hàng hóa đã được sản xuất trước thời điểm Quyết định thu hồi có hiệu lực và chưa được tiêu thụ bởi người tiêu dùng), biển hiệu, biểu tượng kinh doanh và các hình thức khác trong vòng 05 ngày làm việc tính từ ngày Quyết định thu hồi có hiệu lực. Đơn vị bị thu hồi Giấy chứng nhận sẽ không được đưa vào danh sách có quyền sử dụng Nhãn hiệu CAO SU VIỆT NAM trên trang web và các ấn phẩm, sự kiện của Hiệp hội Cao su Việt Nam, hoặc bị ngưng tư cách hội viên nếu có những sai phạm nghiêm trọng.

e) Hiệp hội yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm nêu trên và các bên liên quan phải chấp hành quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng Thẩm định Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM” và các đơn vị hỗ trợ, Ban Tư vấn phát triển ngành cao su và Văn phòng Hiệp hội Cao su Việt Nam phối hợp định kỳ kiểm tra, đánh giá, báo cáo Ban chấp hành Hiệp hội Cao su Việt Nam về tình hình thực hiện việc quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM”.

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quy chế quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM /VIET NAM RUBBER” ban hành theo Quyết định số 211/QĐ-HHCS ngày 27/8/2013 của Hiệp hội Cao su Việt Nam.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, Hội đồng Thẩm định Nhãn hiệu chứng nhận “CAO SU VIỆT NAM” báo cáo Ban Chấp hành xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp. /.



**PHỤ LỤC: DANH MỤC, PHÂN NHÓM HÀNG HÓA, SẢN PHẨM MANG
NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “CAO SU VIỆT NAM / VIET NAM RUBBER”
VÀ QUY CHUẨN/TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG TƯƠNG ỨNG**

Thứ tự	Nhóm	Mã	Tên hàng hóa, sản phẩm	Mã HS	Quy chuẩn/Tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng
			Cao su thiên nhiên		
1	17	170017	Cao su thô hoặc bán thành phẩm (dạng khối)	400122	TCVN 3769:2004 / TCVN 3769:2017
2	17	170017	Cao su thô hoặc bán thành phẩm (dạng tờ xông khói)	400121	Green Book (quốc tế)
3	17	170064	Latex cao su	400110	TCVN 6314:2007
			Sản phẩm công nghiệp cao su		
4	12	120206	Lốp ô tô (cho ô tô con, xe tải, xe buýt)	401110; 401120	QCVN 34:2011/BGTVT
5	12	120158	Lốp bánh xe (lốp mô tô)	401140	QCVN 36:2010/BGTVT
6	12	120158	Lốp bánh xe (xe nông nghiệp, xe công nghiệp, xe công trường...)	Từ 40116 đến 401199	TCVN 7227:2002
7	12	120084	Lốp xe đạp	401150	TCVN 1591-2:2006
8	12	120157	Lốp đặc cho xe cộ	401290	
9	12	120206	Săm lốp ô tô (cho ô tô con, xe tải, xe buýt)	401310	TCVN 7530:2005
10	12	120007	Săm cho lốp xe bơm hơi (săm lốp mô tô, xe máy)	40139020	TCVN 5721-1:2002
11	12	120214	Săm cho xe đạp	401320	TCVN 1591-1:2006
12	17	170049	Găng tay (cao su) cách điện	401519	TCVN 5586:1991
13	17	170049	Găng tay (cao su) cách nhiệt	401519	TCVN 8084:2009
14	21	210290	Găng tay (cao su) dùng cho mục đích gia dụng	401519	64 TCN 34 - 85
15	10	100043	Găng tay cho mục đích y tế (khám bệnh, phẫu thuật, thử nghiệm...)	401511	TCVN 6343-1:2007; TCVN 6344:2007
16	10	100128	Bao cao su	401410	714/QĐ-BYT (2010)
17	10	100015	Ống thông đường tiểu	901839	
18	07	070037	Băng tải (cao su)	4010	TCVN 5420:1991
19	07	070141	Trục lăn máy cán (băng cao su)	401699	
20	17	170076	Vòng đệm băng cao su	401693	TCVN 2750:1978
21	17	170043	Đệm lót (cao su)	401699	
22	17	170022	Ống mềm (băng cao su)	4009	
23	17	170100	Khuôn băng cao su rắn	401700	
24	17	170095	Sợi băng cao su, không dùng trong ngành dệt (vòng - sợi - dây thun)	5604	
25	23	230018	Sợi cao su dùng trong ngành dệt (chỉ thun không bọc vải, sợi)	400700	
26	23	230018	Sợi cao su dùng trong ngành dệt (thun có bọc vải, sợi)	5604	
27	20	200079	Đệm, nệm (cao su)	940421	
28	20	200157	Gối (cao su)	940490	
29	25	250129	Đế cho đồ đi chân (đế giày cao su)	640620	

30	25	250080	Giày cao su (ủng cao su)	640291	
31	27	270006	Thảm (cao su)	401699	
32	28	280011	Bóng cho trò chơi (và thể thao)	950699	
33	28	280012	Quả bóng bay để chơi	950662	
			Sản phẩm gỗ cao su		
34	19	190031	Gỗ xẻ (gỗ cao su)	4407	
35	20	200037	Đồ đạc dùng trong văn phòng (bằng gỗ cao su)	9403	
36	20	200041	Đồ đạc dùng trong nhà (bằng gỗ cao su)	9403	

Ghi chú:

1. Nhóm, mã và tên hàng hóa: Theo Bảng Danh mục hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 10, 7/2012 theo công văn của Cục Sở hữu trí tuệ số 5377/TB-SHTT ngày 16/7/2012.
2. Mã HS là mã số phân loại hàng hóa theo Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới, giúp các doanh nghiệp và cơ quan quản lý thống nhất về phân loại và áp dụng các mức thuế xuất nhập khẩu cho hàng hóa.
3. Quy chuẩn/Tiêu chuẩn: Quy chuẩn quốc gia: QCVN; Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN; Tiêu chuẩn ngành: TCN, có thể thay đổi theo phiên bản cập nhật của cơ quan chức năng.